

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh (bao gồm 03 phần (lô)).
- Tên dự toán mua sắm: Mua xe ô tô phục vụ công tác chung của Thanh tra tỉnh.
- Chủ đầu tư: Thanh tra tỉnh Quảng Ninh.
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách tỉnh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/ 2025.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày kể từ khi phát hành E-HSMT.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

*a) Yêu cầu chung:*

- Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng tính hợp lệ theo yêu cầu tại Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT của E-HSMT. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh cụ thể như sau:

+ Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá dự thầu tại Mẫu số 10B Chương IV Webform trên hệ thống. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất của hàng hoá dự thầu thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSMT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường.

+ Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

+ Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

+ Nhà thầu cung cấp Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không đính kèm Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nhà thầu đưa ra tại Bảng thông tin chi tiết của hàng hóa.

Trường hợp hàng hóa sau khi bàn giao không đúng với thông số nhà thầu đưa ra khi tham dự thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu.

- Tiến độ giao hàng, địa điểm giao hàng theo yêu cầu tại Mẫu số 01A Chương IV E-HSMT. Đảm bảo thời gian nhà thầu cung cấp bàn giao hàng hóa phải phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu đã được quy định. Trong đó thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có).

*b) Yêu cầu về kỹ thuật:*

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, công nghệ “**ương đương**” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

## BẢNG YÊU CẦU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	PP2500 554062	Lô 01: Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu	Xe ô tô 7 chỗ 2 cầu	<b>I. Yêu cầu chung</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Model/Ký mã hiệu (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li><li>- Phiên bản (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li><li>- Nhãn hiệu: Nhà thầu tự đề xuất</li><li>- Hãng sản xuất: Nhà thầu tự đề xuất</li><li>- Xuất xứ: Nhà thầu tự đề xuất</li><li>- Năm sản xuất: 2025</li><li>- Màu xe: Màu đen</li><li>- Hàng hóa mới 100%</li><li>- Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong thời hạn 5 năm hoặc 150.000km tùy theo điều kiện nào đến trước.</li><li>- Số chỗ ngồi: 7 chỗ</li></ul> <b>II. Thông số kỹ thuật</b> <b>1. Động cơ &amp; khung xe</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kích thước:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm): 4795 x 1855 x 1835 (sai số ±5%)</li><li>+ Chiều dài cơ sở (mm): 2745 (sai số ±5%)</li><li>+ Khoảng sáng gầm xe (mm): 279 (sai số ±5%)</li><li>+ Bán kính vòng quay tối thiểu (m): 5,8 (sai số ±5%)</li><li>+ Dung tích bình nhiên liệu (L): 80 (sai số ±5%)</li></ul></li></ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động cơ:</li> <li>+ Loại động cơ: Động cơ xăng</li> <li>+ Xy lanh: 4 xy-lanh thẳng hàng</li> <li>+ Dung tích xy lanh (cc): 2694 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>+ Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử/EFI</li> <li>+ Loại nhiên liệu: Xăng</li> <li>+ Công suất tối đa (kW (HP)/rpm): 122 (164)/5200 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>+ Mô men xoắn tối đa (Nm/rpm): 245/4000 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>+ Tiêu chuẩn khí thải: Euro 5</li> <li>- Tiêu thụ nhiên liệu:</li> <li>+ Ngoài đô thị: <math>\leq 9,30</math></li> <li>+ Kết hợp: <math>\leq 11,20</math></li> <li>+ Trong đô thị: <math>\leq 14,50</math></li> </ul> <p><b>2. Truyền lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại dẫn động: Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử</li> <li>- Hộp số: Số tự động <math>\geq 6</math> cấp</li> <li>- Chế độ lái: Có</li> </ul> <p><b>3. Khung gầm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống treo:</li> <li>+ Trước: Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng</li> <li>+ Sau: Phụ thuộc, liên kết 4 điểm</li> <li>- Hệ thống lái:</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<p>+ Trợ lực tay lái: Thủy lực biến thiên theo tốc độ</p> <p>- Vành và lốp xe</p> <p>+ Loại vành: Mâm đúc</p> <p>+ Kích thước lốp: 265/60R18</p> <p>- Phanh:</p> <p>+ Trước: Đĩa tản nhiệt</p> <p>+ Sau: Đĩa</p> <p><b>4. Ngoại thất</b></p> <p>- Cụm đèn trước:</p> <p>+ Đèn chiếu gần/Đèn chiếu xa: LED</p> <p>+ Đèn chiếu sáng ban ngày: Có</p> <p>+ Hệ thống điều khiển đèn tự động: Có</p> <p>+ Hệ thống cân bằng góc chiếu: Tự động</p> <p>+ Chế độ đèn chờ dẫn đường: Có</p> <p>- Cụm đèn sau: LED</p> <p>- Đèn báo phanh trên cao: LED</p> <p>- Đèn sương mù:</p> <p>+ Trước: LED</p> <p>+ Sau: Có</p> <p>- Gương chiếu hậu ngoài:</p> <p>+ Chức năng điều chỉnh &amp; gập điện: Có</p> <p>+ Tích hợp đèn báo rẽ: Có</p> <p><b>5. Nội thất</b></p> <p>- Tay lái:</p> <p>+ Loại tay lái: 3 chấu</p> <p>+ Chất liệu: Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc</p>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<p>+ Nút bấm điều khiển tích hợp: Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay</p> <p>- Gương chiếu hậu trong: Chống chói tự động</p> <p>- Cụm đồng hồ:</p> <p>+ Đèn báo chế độ Eco: Có</p> <p>+ Màn hình hiển thị đa thông tin: Có (màn hình màu TFT <math>\geq 4,2''</math>)</p> <p>- Ghế:</p> <p>+ Chất liệu: Da</p> <p>+ Ghế trước:</p> <p>Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh điện <math>\geq 8</math> hướng</p> <p>Điều chỉnh ghế hành khách: Chỉnh điện <math>\geq 8</math> hướng</p> <p><b>6. Tiện nghi</b></p> <p>- Hệ thống điều hòa: Tự động 2 vùng</p> <p>- Cửa gió sau: Có</p> <p>- Hệ thống âm thanh</p> <p>+ Màn hình: Màn hình cảm ứng <math>\geq 9''</math></p> <p>+ Số loa: <math>\geq 11</math> loa</p> <p>+ Kết nối đa phương tiện: Có</p> <p>- Chìa khóa thông minh &amp; khởi động bằng nút bấm: Có</p> <p>- Khóa cửa điện, Chức năng khóa cửa từ xa: Có</p> <p>- Hệ thống điều khiển hành trình: Có</p> <p><b>7. An Ninh - Hệ thống chống trộm</b></p> <p>- Hệ thống báo động: Có</p>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống mã hóa khóa động cơ: Có</li> <li><b>8. An toàn chủ động</b></li> <li>- Chống bó cứng phanh: Có</li> <li>- Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp: Có</li> <li>- Hệ thống phân phối lực phanh điện tử: Có</li> <li>- Hệ thống cân bằng điện tử: Có</li> <li>- Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có</li> <li>- Đèn báo phanh khẩn cấp: Có</li> <li>- Hệ thống cảnh báo điểm mù: Có</li> <li>- Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau: Có</li> <li>- Hệ thống kiểm soát lực kéo: Có</li> <li>- Hệ thống hỗ trợ đỗ xe: Có</li> <li>- Camera: Camera 360 độ</li> <li>- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: Sau, Góc trước, Góc sau: Có</li> <li><b>9. An toàn bị động</b></li> <li>- Túi khí (Túi khí người lái &amp; hành khách phía trước, Túi khí đầu gối người lái, Túi khí rèm, Túi khí bên hông phía trước): Có</li> <li>- Dây đai an toàn: 3 điểm ELR, 7 vị trí</li> </ul>
2	PP2500 554063	Lô 02: Xe ô tô 16 chỗ	Xe ô tô 16 chỗ	<p><b>I. Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Model/Ký mã hiệu (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Phiên bản (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Nhãn hiệu: Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Hãng sản xuất: Nhà thầu tự đề xuất</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Năm sản xuất: 2025</li> <li>- Màu xe: Màu đen</li> <li>- Hàng hóa mới 100%</li> <li>- Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong thời hạn 3 năm hoặc 100.000km tùy theo điều kiện nào đến trước.</li> <li>- Số chỗ ngồi: 16 chỗ</li> </ul> <p><b>II. Thông số kỹ thuật</b></p> <p><b>1. Động cơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động cơ: Động cơ dầu tăng áp, trục cam kép có làm mát khí nạp</li> <li>- Dung tích xy lanh (cc): 2296 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Công suất cực đại (PS/vòng/phút): 171(126 kW)/3200 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Mô men xoắn cực đại (Nm/vòng/phút): 425/1400-2400 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Hộp số: <math>\geq 6</math> cấp số sàn</li> <li>- Ly hợp: Đĩa ma sát khô, dẫn động bằng thủy lực</li> <li>- Trợ lực lái: Thủy lực</li> </ul> <p><b>2. Kích thước và trọng lượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài x Rộng x Cao (mm x mm x mm): 5998 x 2068 x 2775 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Chiều dài cơ sở (mm): 3750 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Vệt bánh trước (mm): 1734 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệt bánh sau (mm): 1759 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Khoảng sáng gầm xe (mm): 150 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Bán kính vòng quay nhỏ nhất (m): 6,7 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Dung tích thùng nhiên liệu (L): 80 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> </ul> <p><b>3. Hệ thống treo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước: Hệ thống treo độc lập dùng lò xo trụ, thanh cân bằng và ống giảm chấn thủy lực</li> <li>- Sau: Hệ thống treo phụ thuộc dùng nhíp lá với ống giảm chấn thủy lực</li> </ul> <p><b>4. Hệ thống phanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phanh đĩa trước và sau: Có</li> <li>- Cỡ lốp: 235/ 65R16</li> <li>- Vành xe: Hợp kim 16"</li> </ul> <p><b>5. Trang thiết bị an toàn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi khí phía trước dành cho người lái: Có</li> <li>- Túi khí dành cho hành khách phía trước: Có</li> <li>- Dây đai an toàn đa điểm cho các hàng ghế: Có</li> <li>- Camera lùi: Có</li> <li>- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe sau: Có</li> <li>- Hệ thống chống bó cứng phanh và phân phối lực phanh điện tử: Có</li> <li>- Hệ thống cân bằng điện tử: Có</li> <li>- Hệ thống kiểm soát hành trình: Có</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống chống trộm: Có</li> <li><b>6. Trang thiết bị ngoại thất</b></li> <li>- Đèn phía trước: LED, tự động bật đèn</li> <li>- Đèn chạy ban ngày: LED</li> <li>- Đèn sương mù: LED</li> <li>- Gạt mưa tự động: Có</li> <li>- Gương chiếu hậu ngoài: Chỉnh điện và gập điện</li> <li>- Bậc bước chân điện: Có</li> <li>- Cửa trượt điện: Có</li> <li>- Chấn bùn trước sau: Có</li> <li><b>7. Trang thiết bị bên trong xe</b></li> <li>- Điều hòa nhiệt độ: Tự động</li> <li>- Cửa gió điều hòa hành khách: Có</li> <li>- Chất liệu ghế: Nỉ kết hợp Vinyl</li> <li>- Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh <math>\geq 6</math> hướng, có tựa tay</li> <li>- Điều chỉnh hàng ghế sau: Điều chỉnh ngã, có tựa tay</li> <li>- Hàng ghế cuối gập phẳng: Có</li> <li>- Tay nắm hỗ trợ lên xuống: Có</li> <li>- Giá hành lý phía trên: Có</li> <li>- Cửa kính điều khiển điện: Có (1 chạm lên xuống cho hàng ghế trước)</li> <li>- Bảng đồng hồ tốc độ: Màn hình <math>\geq 12,3''</math></li> <li>- Màn hình trung tâm: Màn hình TFT cảm ứng <math>\geq 12,3''</math></li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối Apple Carplay &amp; Android Auto: Không dây</li> <li>- Hệ thống âm thanh: AM/FM, Bluetooth, USB, <math>\geq 6</math> loa</li> <li>- Điều khiển âm thanh trên tay lái: Có</li> <li>- Cổng sạc USB cho hàng ghế sau: Có</li> </ul>
3	PP2500 554064	Lô 03: Xe ô tô 7 chỗ 1 cầu	Xe ô tô 7 chỗ 1 cầu	<p><b>I. Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Model/Ký mã hiệu (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Phiên bản (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Nhãn hiệu: Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Hãng sản xuất: Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Xuất xứ: Nhà thầu tự đề xuất</li> <li>- Năm sản xuất: 2025</li> <li>- Màu xe: Màu đen</li> <li>- Hàng hóa mới 100%</li> <li>- Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất tối thiểu trong thời hạn 5 năm hoặc 100.000km tùy theo điều kiện nào đến trước.</li> <li>- Số chỗ ngồi: 7 chỗ</li> </ul> <p><b>II. Thông số kỹ thuật</b></p> <p><b>1. Kích thước &amp; Trọng lượng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm x mm x mm): 4830 x 1900 x 1720 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Chiều dài cơ sở (mm): 2815 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Khoảng sáng gầm xe (mm): 177 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích bình nhiên liệu (L): 67 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li><b>2. Động Cơ, Hộp số &amp; Vận hành:</b></li> <li>- Động cơ: Động cơ xăng</li> <li>- Dung tích xi lanh (cc): 2.497 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Công suất cực đại (PS/rpm): 194/6100 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm): 246/4000 (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Hộp số: <math>\geq 8</math> AT</li> <li>- Hệ thống dẫn động: FWD</li> <li>- Phanh trước/sau: Đĩa/Đĩa</li> <li>- Hệ thống treo trước: MacPherson</li> <li>- Hệ thống treo sau: Liên kết đa điểm</li> <li>- Thông số lốp: 235/60R18</li> <li>- Mức tiêu thụ nhiên liệu (l/100km):</li> <li>+ Kết hợp: <math>\leq 8,31</math></li> <li>+ Trong đô thị: <math>\leq 11,31</math></li> <li>+ Ngoài đô thị: <math>\leq 6,54</math></li> <li><b>3. Ngoại thất:</b></li> <li>- Đèn chiếu sáng: LED Projector</li> <li>- Kích thước vành xe: 18 inch</li> <li>- Đèn LED định vị ban ngày: Có</li> <li>- Đèn pha tự động bật tắt: Có</li> <li>- Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện, có sấy: Có</li> <li>- Đèn hậu &amp; Đèn sương mù sau dạng LED: Có</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cốp điện: Có</li> <li><b>4. Nội thất:</b></li> <li>- Vô lăng bọc da: Có</li> <li>- Cần số điện tử sau vô lăng: Có</li> <li>- Lẫy chuyển số sau vô lăng: Có</li> <li>- Chế độ lái: Có</li> <li>- Ghế da: Có</li> <li>- Ghế lái chỉnh điện: Có</li> <li>- Điều hòa tự động 2 vùng độc lập: Có</li> <li>- Cửa gió điều hòa hàng ghế sau: Có</li> <li>- Rèm cửa hàng ghế sau: Có</li> <li>- Màn hình đa thông tin: <math>\geq 4,2</math> inch</li> <li>- Màn hình giải trí cảm ứng: <math>\geq 12,3</math> inch (Có kết nối Apple Carplay/ Android Auto không dây)</li> <li>- Hệ thống loa: <math>\geq 6</math> loa</li> <li>- Sạc không dây chuẩn Qi: <math>\geq 1</math> vùng</li> <li>- Phanh tay điện tử EPB và Auto Hold: Có</li> <li>- Điều khiển hành trình: Có</li> <li>- Giới hạn tốc độ: Có</li> <li>- Chìa khóa thông minh có chức năng khởi động từ xa: Có</li> <li><b>5. An toàn:</b></li> <li>- Camera lùi : Có</li> <li>- Hệ thống cảm biến trước/sau: Có</li> <li>- Chống bó cứng phanh: Có</li> <li>- Phân bổ lực phanh điện tử: Có</li> </ul>

Stt	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp: Có</li> <li>- Cân bằng điện tử: Có</li> <li>- Hệ thống kiểm soát lực kéo: Có</li> <li>- Hỗ trợ khởi hành ngang dốc: Có</li> <li>- Hỗ trợ xuống dốc: Có</li> <li>- Cảm biến áp suất lốp: Có</li> <li>- Số túi khí: <math>\geq 6</math></li> </ul>

### 1.3. Các yêu cầu khác:

Nhà thầu lưu ý cân đối giá chào thầu đối với các mã phần/lô trong Hồ sơ dự thầu bảo đảm không được vượt mức quy định cụ thể đối với từng loại xe theo Điều 15 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính Phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

#### Mục 2. Bản vẽ:

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

#### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Hàng hóa khi được bàn giao phải đảm bảo mới 100%, đúng màu sắc, model, hãng sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất, có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, tài liệu kèm theo đáp ứng yêu cầu. Hàng hóa được vận hành thử, chạy tốt mới tiến hành nghiệm thu hàng hóa.

- Các tài liệu cần cung cấp khi bàn giao hàng hóa cụ thể như sau:

+ Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của xe khi bàn giao hàng hóa để phục vụ việc đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng.

+ Tài liệu về bảo hành: Phiếu bảo hành xe ô tô hoặc tài liệu tương đương trong đó thể hiện rõ và đầy đủ các hạng mục sau: Liệt kê các dạng hư hỏng sẽ được bảo hành, các dạng hư hỏng không được bảo hành. Điều kiện bảo hành, bảo trì theo quy định của nhà sản xuất. Phương thức liên hệ nhà thầu khi hàng hóa gặp hư hỏng (bằng văn bản, email, điện thoại...).

+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng xe.

+ Các tài liệu khác (nếu có).

- Thử nghiệm:

+ Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của Chủ đầu tư (nếu được yêu cầu) để chứng minh hàng hóa đó có thông số, chất lượng, đặc điểm kỹ thuật... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

+ Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Cách thức xử lý của Chủ đầu tư đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm:

Hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật..., thì Chủ đầu tư có thể từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp Chủ đầu tư sẽ ngưng việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu và nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.